

THÔNG BÁO LUỒNG
(Tháng 9 năm 2019)

I. Tình hình mực nước:

TT	Sông	Trạm	Mực nước lớn nhất trong tháng (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất trong tháng (Hmin)		Ghi chú
			Mực nước (m)	Thời gian	Mực nước (m)	Thời gian	
1	Sông Hiếu	Sông Hiếu	+2,44	24h00 ngày 04/9/2019	-0,52	08h00 ngày 01/9/2019	
2	Thạch Hãn	Thạch Hãn	+5,04	11h00 ngày 04/9/2019	-0,41	09h00 ngày 01/9/2019	
3	Bến Hải	Bến Hải	+1,28	08h00 ngày 04/9/2019	-0,50	06h00 ngày 12/9/2019	

II. Tình hình luồng:

TT	Tuyến Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất h _{min} (m)	Độ sâu lớn nhất h _{max} (m)	Độ sâu thực đo h (m)	Chiều rộng B (m)
A	Sông Hiếu						
I		Cầu					
1		Cửa Việt	Km0+150	10,70	13,66	13,14	50
2		Đông Hà	Km15+00	5,37	8,33	7,81	25
3		Đường sắt Đông Hà	Km16+550	3,76	6,72	6,20	25
4		Sông Hiếu	Km18+550	7,44	10,40	9,88	25
5		Cầu Treo	Km21+400	4,19	7,15	6,63	80
6		Cam Hiếu	Km22+600	5,76	8,72	8,20	25
II		Đường dây điện					
1		110KV	Km12+300	17,71	20,67	20,15	
2		500KV	Km20+400	27,19	30,15	29,63	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mở hàn	Km12+850	-2,24	0,72	0,20	
2		Kè mở hàn	Km13+500	-2,16	0,80	0,28	
3		Trụ cầu đường sắt	Km16+550	-0,18	2,78	2,26	
4		Kè mở hàn	Km25+450	-2,78	0,18	-0,34	
B	Thạch Hãn						
I		Cầu					
1		Phao Trung Yên	Km2+00	-2,62	2,83	2,42	4,5
2		Đại Lộc	Km 4+700	3,94	9,39	8,98	25
3		An Mô (cũ)	Km11+300	1,21	6,66	6,25	15
4		An Mô (mới)	Km11+300	3,86	9,31	8,90	25



5	Thành Cổ	Km14+770	4,49	9,94	9,53	40
6	Dường bộ Thạch Hãn	Km16+900	3,55	9,00	8,59	20
7	Dường sắt Thạch Hãn	Km17+00	2,78	8,23	7,82	30
II	Dường dây điện					
1	35KV, đường dây VNPT	Km1+950	1,60	7,05	6,64	
2	35KV	Km5+000	4,53	9,98	9,57	
3	110KV	Km16+000	15,61	21,06	20,65	
4	110KV	Km17+800	14,44	19,89	19,48	
5	500KV	Km23+000	24,75	30,20	29,79	
III	Vật chướng ngại					
1	Bãi dả ngầm	Km9+000	-4,55	0,90	0,49	
2	Kè mố hàn	Km12+500	-5,13	0,32	-0,09	
3	Kè mố hàn	Km13+000	-5,18	0,27	-0,14	
4	Kè mố hàn	Km13+300	-5,16	0,29	-0,12	
5	Kè mố hàn	Km13+600	-5,00	0,45	0,04	
6	Kè mố hàn	Km13+750	-4,94	0,51	0,10	
7	Kè mố hàn	Km13+900	-4,95	0,50	0,09	
8	Bãi dả ngầm	Km16+300	-3,84	1,61	1,20	
9	Bãi dả ngầm	Km17+250	-4,89	0,56	0,15	
C	Bến Hải					
I	Cầu					
1	Cửa Tùng	Km 0+750	10,87	12,65	12,15	50
2	Hiện Lương (di tích)	Km 9+800	2,55	4,33	3,83	26
3	Hiện Lương	Km 9+800	6,63	8,41	7,91	30
4	Châu Thị (mới)	Km15+800	7,42	9,20	8,70	15
5	Phục Lâm	Km18+000	3,34	5,12	4,62	13
6	Dường sắt Sa Lung	Km22+350	3,02	4,80	4,30	15
Nhánh Sa Lung	Cầu phao Huỳnh Xá Hà	Km1+600	0,49	2,27	1,77	5
	Hiện Lương II	Km3+700	9,21	10,99	10,49	25
	Dường sắt Tiên An	Km5+350	2,80	4,58	4,08	42
8	Bến Tắt					
9						
II	Dường dây điện					
1	35KV, Đường dây VNPT	Km2+750	8,37	10,15	9,65	
2	110KV	Km9+400	2,90	4,68	4,18	
3	110KV	Km15+200	3,62	5,40	4,90	
4	500KV	Km12+000	27,91	29,69	29,19	
III	Vật chướng ngại					
1	Kè mố hàn	Km4+150	-1,39	0,39	-0,11	
2	Kè mố hàn	Km4+700	-1,47	0,31	-0,19	
3	Trụ cầu đường sắt Sa Lung	Km22+380	0,92	2,70	2,20	

III. Bãi cạn:

TT	Tuyến Sông	Tên bãi cạn	Lý trình	Độ sâu	Mực nước	Cao độ	Chiều rộng	Chiều dài	Ngày đo
				h(m)	H(m)	Z(m)	B(m)	L(m)	
I	Sông Hiếu								
1		Đông Giang	Km 15+800 ÷ Km 16+000	1,50	0,48	-1,02	80	200	16h00 ngày 19/9/2019
2		Đông Thanh	Km 16+400 ÷ Km 16+550	1,30	0,51	-0,79	80	150	15h00 ngày 19/9/2019
3		Lâm Lang 2	Km 24+900 ÷ Km 25+700	1,80	0,03	-1,77	80	800	10h00 ngày 19/9/2019
II	Thạch Hãn								
1		Như Lệ	Km22+700 ÷ Km24+300	1,84	0,38	-1,46	80	500	17h00 ngày 19/9/2019
2		Ba Lòng	Km 43+400 ÷ Km 46+000	0,93	+0,7	-0,23	80	1500	17h00 ngày 12/9/2019
III	Bến Hải								
1		Cửa Tùng	Km0+000 ÷ Km2+000	1,70	0,15	-1,55	80	1500	16h00 ngày 16/09/2019

IV. Một số điều lưu ý:

1. Dự báo tình hình mực nước tháng kế tiếp:

Thời tiết trên địa bàn tỉnh đang là mùa mưa, mực nước trên các sông vào các tháng tiếp theo sẽ tăng dần. Với đặc điểm sông ngắn, dốc và vận tốc dòng chảy lớn, mực nước mùa mưa lũ rất lớn gây nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông cho các phương tiện thủy lưu thông qua lại trên tuyến, đặc biệt tại các khu vực cầu vượt sông.

Tại Km17+700 tuyến sông Hiếu đang thi công công trình Đập ngăn mặn, Công ty Cổ phần đường thủy nội địa Thừa Thiên Huế triển khai công tác điều tiết không chế ĐBGT theo phương án được phê duyệt. Đề nghị các phương tiện thủy di chuyển qua khu vực chú ý quan sát hệ thống phao, biển báo và hướng dẫn của Trạm điều tiết để điều khiển phương tiện thuận lợi, an toàn.

2. Tình hình hoạt động khai thác cát trên các tuyến sông:

* Các mỏ khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp phép khai thác:

- Sông Thạch Hãn: có 05 vị trí:

+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ số 1 Thành Thành Công tại Km22+600;

+ Công ty Cổ phần Thiên Phú tại Km 22+900;



+ Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác cát, sỏi Như Lệ tại Km 23+000;

+ Công ty TNHH MTV Nguyên Hà tại Km 38+700;

+ Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị tại Km 37+000.

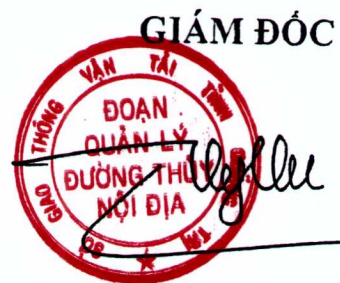
- Sông Bến Hải: không có.

- Sông Hiếu: không có.

Đoạn Quản lý đường thủy nội địa Quảng Trị thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông để các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết. Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn./.

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Phòng QL KCHT GT;
- Lưu: VT, KH. 



Phạm Uy Vũ